

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/DS-ST
Ngày: 27-12-2024
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út;
- Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1965; HKTT: tổ A, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: tổ A, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972; cư trú tại: tổ A, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Mạnh H trình bày:

Ông Đỗ Mạnh H có cho bà Nguyễn Thị G vay tổng số tiền 83.000.000 đồng, cho vay 03 lần cụ thể: Lần 1: Vào ngày 15/5/2023 ông cho bà G vay số tiền 20.000.000 đồng; lần 2: ngày 16/5/2023 ông cho bà G vay số tiền 25.000.000 đồng; lần 3: ngày 30/5/2023 ông cho bà G vay số tiền 38.000.000 đồng. Khi vay không thoả thuận lãi suất, thoả thuận miệng 02 tuần sau sẽ trả. Do quen biết nên hai bên không làm giấy tờ. Đến hạn trả nợ bà G trả cho ông được số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 12/11/2023 bà G viết 02 giấy biên nhận mượn tiền (do bà G nói mượn cho chị của bà G 01 giấy nên bà G viết 02 giấy), mỗi giấy biên nhận vay số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng, ông là người viết, bà G ký tên và ghi họ tên. Sau đó bà G đã trả được cho ông số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng chưa trả.

Nay ông Đỗ Mạnh H yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả cho ông số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bà G vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông Đỗ Mạnh H số tiền 60.000.000 đồng. Về án phí: bà G phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Đỗ Mạnh H khởi kiện bà Nguyễn Thị G, địa chỉ: **kh^u phố D, thị trấn T huyện T, tỉnh Tây Ninh** yêu cầu trả số tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Nguyên đơn có đơn có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú xác định bà G vắng mặt tại nơi cư trú tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, không xác định thời điểm trở về nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho bà G. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà G để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà G vắng mặt không có lý do. Bà G có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Bà G phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Ông Đỗ Mạnh H cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 02 (hai) giấy “Biên nhận” cùng ghi ngày 12/11/2023, nội dung thể hiện bên cho vay ông Đỗ Mạnh H, bên vay bà Nguyễn Thị G, tổng số tiền vay 80.000.000 đồng; có chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị G”. Ông H trình bày bà G đã trả cho ông được số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 60.000.000 đồng. Lời trình bày của ông H phù hợp

với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên là sự thật.

Bà Nguyễn Thị G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, địa điểm trả nợ của bên vay. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà G có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay 60.000.000 đồng.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị G phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 357, 463, 466, Điều 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Mạnh H đối với bà Nguyễn Thị G về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Mạnh H số tiền vay 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận ông H không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị G phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Mạnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số 0005171 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương